

Bản án số: 1051/2023/HC-PT

Ngày: 14 -12 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 600/2023/TLPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 773/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2747/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số D đường số A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Đình X – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt)

- Người bị kiện:

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T

2/Ủy ban nhân dân thành phố T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T – Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Ú – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E đường số E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 (có mặt)

2/Ông Đinh Hoàng T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E L, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện gửi ngày 13/02/2020; Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 12/3/2021, 24/11/2022 và 06/12/2022; Đơn xác nhận yêu cầu khởi kiện ngày 08/8/2022; Bản tự khai ngày 26/02/2020, người khởi kiện trình bày:

Ngày 20/6/1989, ông Nguyễn Văn H gửi Đơn xin sử dụng 200m² đất thuộc một phần thửa 474, tờ bản đồ số 1, xã A, huyện T làm nhà ở được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T xác nhận ngày 29/8/1989.

Do xung quanh là đất trống nên sử dụng thêm 300m² có hàng rào xung quanh. Năm 1999, ông đăng ký nhà đất 300m² tại căn nhà số C T, phường B, Quận B (viết tắt nhà số C T) với diện tích đất ở 200m² và Ủy ban nhân dân Quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 470/2002 ngày 07/5/2002, có nộp thuế nhà đất 300m² từ năm 1992 đến năm 2002.

Năm 2001, ông được biết diện tích 100m² bên cạnh nhà số C T (năm 2003 đổi số nhà mới là số D đường số A) của ông đang sử dụng cấp cho ông Đinh Hoàng T1 theo Quyết định số 4433/QĐ-UB-KT ngày 31/12/1994 (viết tắt Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT) của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Không đồng ý, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB về thu hồi 100m² đất của ông giao cho ông Đinh Hoàng T1, nhưng sau đó ông đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 19/ĐCST ngày 25/6/2002 do thu hồi bởi Quyết định số 911/QĐ- UB-QLĐT ngày 23/02/1998.

Ngày 19/7/2007, ông gửi Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích nêu trên theo Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở (viết tắt Bản vẽ) ngày 24/5/2007 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ ghi nhận diện tích thực tế là 98m².

Ông đã gửi đơn khiếu nại về chậm giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận nêu trên và không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại số 166/QĐ-UBND- TNMT ngày 20/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B nên gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định này và tuyên hành vi trái pháp luật

của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T) không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hồ sơ nộp ngày 19/7/2007.

Tại Văn bản số 1727/UBND-TNMT ngày 18/5/2020; số 3677/UBND-TNMT và số 3678/UBND-TNMT ngày 08/6/2021, đại diện Ủy ban nhân dân Thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T trình bày:

Ông Nguyễn Văn H công tác tại Công an xã A, huyện T. Do chưa có nhà nên xin cấp 200m² đất làm nhà ở năm 1989 được Ủy ban nhân dân Quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07/5/2002, sau đó đã chuyển nhượng nhà số C T cho bà Lâm Thị Bạch N vào ngày 12/6/2002.

Thực tế, ông Nguyễn Văn H sử dụng 500m² thuộc thửa 77, 78, 79, 80 tờ bản đồ số 2, phường B, Quận B theo Tài liệu năm 2002 gồm: 200m² đất được cấp nêu trên và 100m² đất của ông Đinh Hoàng T2 được giao theo Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT, Bản đồ giao đất ngày 06/9/1995 của Sở Địa chính - Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết thu hồi 100m² đất của ông Nguyễn Văn H đang sử dụng để giao đất cho ông Đinh Hoàng T1 thể hiện như sau:

- Ngày 19/6/1997, ông Đinh Hoàng T1 gửi đơn khiếu nại ông Nguyễn Văn H không giao đất và đề nghị Chi cục thuế Q cho chậm nộp thuế đất với lý do trên. Do chưa nộp tiền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân Thành phố hủy bỏ việc giao đất cho ông Đinh Hoàng T1 theo Quyết định số 911/1998/QĐ-UB-QLĐT

- Ngày 16/3/1998; 03/7/1998 và 24/7/1998, Ủy ban nhân dân phường B, Quận B và Phòng Quản lý đô thị Quận B lập Biên bản hòa giải không thành vì thu hồi 100m² đất mà không thông qua cũng như bồi thường thiệt hại thì ông Nguyễn Văn H mới giao đất cho ông Đinh Hoàng T1.

- Ngày 20/8/1998, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Văn bản số 3150/CV-UB-QLĐT yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B xử lý vi phạm sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T tạm giao đất không đúng thẩm quyền, đồng thời thực hiện giao quyền sử dụng đất cho ông Đinh Hoàng T1 theo Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT.

- Ngày 01/8/1999, ông Nguyễn Văn H đăng ký nhà đất 300m² gồm: 200m² được tạm cấp và 100m² đang tranh chấp.

- Ngày 09/9/1999, ông Đinh Hoàng T1 được Chi cục Q xác nhận tạm nộp 10 triệu đồng và đề nghị giao 100m² đất theo đơn ngày 29/9/1999.

- Ngày 05/10/1999, Phòng Q1 lập Biên bản ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn H: “Năm 1989, Ủy ban nhân dân xã A, huyện T tạm giao đất cho tôi khoảng 500m². Đến ngày 29/12/1989, Ủy ban nhân dân huyện T gửi Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố về giao 200m² đất cho tôi. Thực tế, tôi sử dụng 500m². Năm 1990, tôi giao lại cho ông Nguyễn Văn D 100m² và năm 1993 giao cho ông Bùi Văn S 100m² ... không đồng ý và ngày 22/11/1999 khiếu nại quyết định giao đất”.

Ngày 15/8/2000, Phòng Tư pháp Quận Q1 lập Biên bản xác định hiện trạng đất 5mx20m cấp cho ông Đinh Hoàng T1 hiện ông Nguyễn Văn H sử dụng

gồm: cổng sắt ngang 4,55m; 3 căn nhà (7,4mx0,3m; 8,4mx0,3m và 13,8m); nhà vệ sinh 2,4mx3m; còn lại là đất trống 4,7mx15,8m.

Ngày 18/6/2001, Phòng Tư pháp Quận Q1 lập Biên bản xác định hiện trạng khuôn viên nhà đất của ông Nguyễn Văn H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của nhà số C T có diện tích 200m² và 100m² đang tranh chấp.

Ngày 03/7/2001, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Văn bản số 2201/UB-TD về tiếp tục thu hồi đất của ông Nguyễn Văn H đã chiếm dụng để giao cho ông Đinh Hoàng T1. Ông Đinh Hoàng T1 hoàn lại chi phí kiến trúc xây dựng trên đất bị tháo dỡ cho ông Nguyễn Văn H.

Ngày 11/7/2001, Phòng Tư pháp Quận Q1 ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn H: *“tôi không có tranh chấp với ông Đinh Hoàng T1. Nếu thu hồi đất là đúng thì chấp hành theo giá đền bù của nhà nước...”*.

Ngày 23/8/2001, Phòng Tư pháp Quận Q1 công bố Bảng chiết tính số 1558/BCT-ĐB ngày 20/8/2001 theo Văn bản số 2201/UB-TD, ông Đinh Hoàng T1 hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H 6.918.600 đồng. Ông Nguyễn Văn H không đồng ý vì chưa có quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 25/9/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 5435/QĐ-UB-TP về cưỡng chế tháo dỡ các công trình và vật kiến trúc trên đất thu hồi 100m² do ông Nguyễn Văn H không chấp hành Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT để giao đất cho ông Đinh Hoàng T1. Tuy nhiên, quyết định này bị thu hồi bởi Quyết định số 4109/QĐ-UB-TP ngày 02/7/2002.

Do ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT nên Ủy ban nhân dân Thành phố P Văn bản số 1815/UB-PC ngày 30/5/2002 về lý do thu hồi Quyết định số 911/1998/QĐ-UB-QLĐT là ông Đinh Hoàng T1 chưa nộp tiền sử dụng đất. Đồng thời, thu hồi Văn bản số 3150/CV-UB-QLĐT và số 2201/UB-TD và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 14/6/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Văn bản số 2043/UB-PC về chấp thuận đơn của ông Đinh Hoàng T1 xin được nhận lại 100m² đất.

Năm 2007, ông Nguyễn Văn H gửi đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích đất trống nêu trên được xác định là 98m².

Ngày 23/02/2008, Ủy ban nhân dân phường B, Quận B báo cáo nguồn gốc 100m²/300m² đất được ông Nguyễn Văn H kê khai năm 1999 và cả ông Đinh Hoàng T1 kê khai 100m² nhưng có tranh chấp.

Ngày 08/12/2008, 09/6/2011, 27/10/2016, ông Đinh Hoàng T1 có đơn xin cứu xét đề nghị nhận lại đất đang bị ông Nguyễn Văn H chiếm giữ vì cần nơi ở ổn định cuộc sống và an tâm công tác.

Ngày 22/01/2009, Văn phòng tiếp công dân Thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân Quận B xét đơn xin nhận đất của ông Đinh Hoàng T1 theo Văn bản số 93/TCD-XLĐ.

Ngày 03/8/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B hoàn trả hồ sơ cho ông Nguyễn Văn H theo Văn bản số 2229/VPĐK do có đơn tranh chấp đất của ông Đinh Hoàng T1.

Xét đơn khiếu nại về chậm giải quyết hồ sơ nộp ngày 19/7/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 166/2020/QĐ-UBND-TNMT về việc Ủy ban nhân dân Quận B không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 98m² là có cơ sở, nên bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Quận B phúc đáp tại Văn bản số 209/UBND-TNMT ngày 20/01/2020 của ông Đinh Hoàng T1 theo Đơn đề nghị giao 100m² đất ở là không có cơ sở, bởi vì: Đến ngày 23/02/1998 vẫn chưa nộp tiền sử dụng đất và việc tranh chấp đất hòa giải không thành. Mặt khác, Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn nhà số E (tầng A) L, Phường G, quận T cho ông Đinh Hoàng T1, bà Võ Thị Mai D1 vào ngày 26/7/2007 nên không thuộc diện khó khăn về nhà ở, không thuộc đối tượng xem xét giao đất. Đề nghị ông Đinh Hoàng T1 nhận lại số tiền nộp thuế đất.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T và Ủy ban nhân dân Thành phố T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H vì Quyết định số 911/1998/QĐ-UB chỉ có nội dung hủy bỏ quyết định giao đất làm nhà ở của ông Đinh Hoàng T1 nhưng nội dung thu hồi đất nêu trong Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT vẫn còn giá trị nên phần đất hiện ông Nguyễn Văn H sử dụng 98m² vẫn thuộc quyền quản lý của nhà nước. Đồng thời, đề nghị không tham gia tố tụng tại Tòa án, kể cả phiên tòa.

Tại Bản trình bày ngày 03/7/2020, bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà là vợ và thống nhất yêu cầu khởi kiện của chồng là ông Nguyễn Văn H.

Tại văn bản ngày 20/02/2023, ông Đinh Hoàng T1 trình bày: Ông chưa nhận 100m² đất do ông Nguyễn Văn H sử dụng mà không giao mặc dù chính quyền nhiều cấp đã giải quyết việc tranh chấp hơn 20 năm. Ông không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Đề nghị vắng mặt tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 773/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H như sau:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 166/QĐ-UBND-TNMT ngày 20/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên hành vi trái pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn nhà số D đường số A, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 98m² thuộc thửa 79 và một phần thửa 80, tờ bản đồ 21 (Bản đồ địa chính năm 2002) theo Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở của cá nhân số 09-104/ĐĐBĐ/2007 ngày 24/5/2007 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023 và 08/6/2023 người khởi kiện ông Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H vẫn giữ kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, do Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Theo các tài liệu mới cung cấp thể hiện có sự chồng lấn giữa các thửa đất thu hồi và chồng lấn với thửa đất nhà bên cạnh. Theo Trường phòng hành chính của Trung tâm đo đạc bản đồ cho biết thì căn cứ vào bản đồ có thể đo vẽ được hiện trạng, áp vẽ lên được theo tọa độ như hiện nay, nhưng phải có quyết định của Tòa án. Nội dung này ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H vì nhà bên cạnh lấn chiếm phần diện tích thuộc quyền quản lý sử dụng của ông H là 40m², qua đó thể hiện diện tích thực tế bị thu hồi chỉ còn lại 70m² chứ không phải là 100m², trong khi quyết định thu hồi diện tích 100m² là thiệt hại quyền lợi ông H. Bản đồ trích lục tại trung tâm đo đạc bản đồ thành phố H là bản phát hành, còn bản đồ có trong hồ sơ thì chỉ là bản sao, nên không có giá trị giải quyết tranh chấp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng khi ông H khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT thì bà Trần Mỹ C là thư ký của Tòa án, thụ lý giải quyết vụ việc. Trong vụ án này, bà C lại là Thẩm phán giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, như vậy cùng một vấn đề mà cùng một người tiến hành tố tụng giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ việc.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố H thu hồi và giao đất cho ông T1 chỉ có ghi 1 phần thửa, không có vị trí, sau đó mới đo vẽ bản đồ này. Hiện nay, thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên, chỉ có phần đất có diện tích 98m² là chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy thửa đất này là phần đất giao cho ông T1 thì phải công nhận phần diện tích 100m² tương ứng với phần đất 98m² mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, những nội dung mà người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện

nêu ra là không có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Ngày 19/7/2007, ông Nguyễn Văn H gửi Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất là 98m² tại phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông H có đơn khiếu nại về chậm giải quyết hồ sơ, ngày 20/01/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 166/2020/QĐ-UBND-TNMT bác khiếu nại. Không đồng ý với quyết định trên, ông H khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 166/QĐ-UBND-TNMT ngày 20/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên hành vi trái pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn nhà số D đường số A, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 98m² thuộc thửa 79 và một phần thửa 80, tờ bản đồ 21.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Theo Đơn xin sử dụng đất ngày 20/6/1989 của ông Nguyễn Văn H thì ông H được cấp diện tích 200m² đất làm nhà ở tại Bản đồ do ông Đỗ Hoàng P (quản lý ruộng đất xã A) đo vẽ được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T xác nhận ngày 29/8/1989 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T duyệt ngày 28/12/1989.

Ngày 01/8/1999, ông H kê khai nhà đất tại số C T với diện tích 300m² gồm:

- + Diện tích xây dựng nhà là 200m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 470/2002 ngày 07/5/2002 hiện đã chuyển nhượng cho bà Lâm Thị Bạch N vào ngày 12/6/2002;

- + Diện tích đất trống là 100m²;

Xét, theo Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT ngày 31/12/1994 của Ủy ban nhân dân Thành phố, và Bản đồ giao đất ngày 06/9/1995 của Sở Địa chính – Nhà đất Thành phố thì diện tích đất trống 100m² được giao làm nhà ở cho ông Đinh Hoàng T1 vào năm 1994.

Ngày 20/8/1998, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Văn bản số 3150/CV-UB-QLĐT yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B xử lý vi

phạm sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T tạm giao đất không đúng thẩm quyền, đồng thời thực hiện giao quyền sử dụng đất cho ông Đinh Hoàng T1 theo Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT. Ngày 03/7/2001, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Văn bản số 2201/UB-TD về tiếp tục thu hồi đất của ông Nguyễn Văn H đã chiếm dụng để giao cho ông Đinh Hoàng T1. Ông Đinh Hoàng T1 hoàn lại chi phí kiến trúc xây dựng trên đất bị tháo dỡ cho ông Nguyễn Văn H. Ngày 14/6/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Văn bản số 2043/UB-PC về chấp thuận đơn của ông Đinh Hoàng T1 xin được nhận lại 100m² đất. Sở Địa chính – Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh triển khai đề nghị Ủy ban nhân dân Quận B thực hiện theo Văn bản số 11791/ĐCND-GTĐ ngày 20/9/2002.

Như vậy, phần diện tích 100m² đất của ông H sử dụng nêu trên tiếp tục bị thu hồi theo Văn bản số 3150/CV- UB-QLĐT và số 2201/UB-TD. Mặc dù hai văn bản này đã bị thu hồi bởi Văn bản số 1815/UB-PC ngày 20/5/2002, nhưng theo người khởi kiện trình bày thì phần diện tích đất nêu trên đang sử dụng không có văn bản được giao đất, và không có văn bản thu hồi, hủy bỏ nội dung thu hồi đất nêu tại Điều 1 Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT. Do đó, Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT vẫn đang có hiệu lực pháp luật, nên phần diện tích đất 100m² được giao cho ông T1.

[3.2] Ngày 23/02/1998 Ủy ban nhân dân Thành phố H có Quyết định số 911/1998/QĐ-UB-QLĐT hủy quyết định giao đất làm nhà ở của ông T1 là do chậm nộp tiền sử dụng đất. Ngày 14/6/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Văn bản số 2043/UB-PC về chấp thuận đơn của ông Đinh Hoàng T1 xin được nhận lại 100m² đất.

Tại Văn bản ngày 20/02/2023, ông T1 trình bày việc giao đất chỉ thể hiện trong Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB-KT nhưng thực tế chưa được giao nhận đất; Khi phát hiện bị chiếm đất nên ông T1 có gửi đơn khiếu nại ngày 19/6/1997 và được biết: Ông H sử dụng phần diện tích đất này từ năm 1989 với hiện trạng nêu tại Biên bản ngày 15/8/2000 nên đề nghị Chi cục Q xin chậm nộp thuế đất của ông T1.

Xét, Ủy ban nhân dân phường B, Phòng Quản lý đô thị và Phòng Tư pháp Quận Q1 lập các Biên bản ghi nhận sự việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Đinh Hoàng T1 với ông Nguyễn Văn H vào các ngày 16/3/1998; 03/7/1998 và 24/7/1998. Việc khiếu nại của ông Đinh Hoàng T1 xin nhận lại 100m² đất được các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết như: Lập bản chiết tính chi phí hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn H, cưỡng chế do ông Nguyễn Văn H không chấp hành việc thu hồi đất cũng như thu hồi việc cưỡng chế thu hồi đất,... nhưng vẫn chưa giao 100m² đất cho ông Đinh Hoàng T1.

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định, phần đất 100m² của ông H sử dụng từ năm 1989 thuộc quyền quản lý của Nhà nước, nên Ủy ban nhân dân Quận B không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất theo đơn của ông Nguyễn Văn H nộp năm 2007 là có cơ sở.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với tài liệu và nội dung trình bày của người khởi kiện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tài liệu mà đương sự cung cấp không chứng minh được ông H được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Việc có sự chồng lấn diện tích giữa phần đất ông H đang quản lý sử dụng với nhà bên cạnh hay không thì không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính. Vụ án hành chính mà ông H khởi kiện đối với Quyết định số 4433/1994/QĐ-UB đã được Tòa án đình chỉ giải quyết (do đương sự rút đơn khởi kiện) nên những người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 773/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 166/QĐ-UBND-TNMT ngày 20/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên hành vi trái pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn nhà số D đường số A, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 98m² thuộc thửa 79 và một phần thửa 80, tờ bản đồ 21 (Bản đồ địa chính năm 2002) theo Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở của cá nhân số 09-104/ĐĐBĐ/2007 ngày 24/5/2007 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

2/Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu